

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKI MÔN LỊCH SỬ LỚP 12
NĂM HỌC 2024 - 2025

Chủ đề 1. THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 1. LIÊN HỢP QUỐC

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Lịch sử hình thành

Bối cảnh lịch sử

– Trong giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có sự chuyển biến quan trọng, ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít.

- Vấn đề cấp bách là cần phải thiết lập một tổ chức quốc tế có vai trò thực sự trong việc duy trì hoà bình, an ninh thế giới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

• *Quá trình hình thành*

- Ngày 01 – 01 – 1942, đại diện 26 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-ton (Mỹ), kí Tuyên bố Liên hợp quốc.

– Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ tháng 11 đến tháng 12 – 1943), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh thoả thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới nhằm thay thế cho Hội Quốc liên, - Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 02 – 1945), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

– *Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Mỹ), từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945), Hiến chương Liên hợp quốc được thông qua.*

– Ngày 24 – 10 – 1945, Hiến chương Liên hợp quốc được Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.

b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

Mục tiêu

Theo Hiến chương, Liên hợp quốc được thành lập nhằm bốn mục tiêu:

1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế;
2. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới;
3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người;
4. Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những

mục tiêu nói trên.

* **Nguyên tắc hoạt động**

Hiến chương Liên hợp quốc đã thể hiện các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này:

1. Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên;
2. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia;
3. Cấm đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;
4. Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước;
5. Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế;
6. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a) Trong lĩnh vực duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

- Giải quyết xung đột và tranh chấp ở nhiều khu vực, khôi phục hoà bình và hỗ trợ tái thiết ở nhiều quốc gia.

- Thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu, thủ tiêu các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

- Xây dựng một hệ thống các công ước, hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị cũng như ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

b) Trong lĩnh vực phát triển

Ưu tiên việc tạo môi trường kinh tế quốc tế bình đẳng, hỗ trợ các nền kinh tế kém phát triển.

- Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động sự hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung.

- Tháng 9 – 2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh ở Niu Oóc, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu, lấy phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt của ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

c) Trong lĩnh vực quyền con người, văn hoá, xã hội

Về quyền con người

Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Văn kiện này làm cơ sở cho việc ra đời hơn 80 công ước và tuyên bố quốc tế về quyền con người.

Về văn hóa, xã hội

Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc như Tổ chức giáo dục Khoa học, Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO),... đã góp phần phát triển sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hóa, xã hội giữa các quốc gia thành viên; các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP),... đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, nhân đạo...

Bài 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Ianta

a) Quá trình hình thành.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ba vấn đề quan trọng đặt ra với các nước Đồng minh cần phải giải quyết:

- Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít;
- Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh
- Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

Hội nghị I-an-ta được triệu tập từ ngày 04 đến ngày 11 – 02 – 1945 với sự tham dự của lãnh đạo ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh.

Hội nghị đã đưa ra những quyết định:

- Thống nhất tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật; để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, sau khi đánh bại phát xít Đức từ 2 đến 3 tháng Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật Bản ở châu Á.

- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

- Thoả thuận về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Pốt-xđam (từ tháng 7 đến tháng 8 – 1945) đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới chia thành hai hệ thống đối lập nhau: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

b) Quá trình tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

• Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, hình thành hai hệ thống xã hội đối lập nhau về hệ tư tưởng, chính trị, quân sự,...

Về kinh tế

- Tháng 6 – 1947, Mỹ thực hiện Kế hoạch phục hưng châu Âu (Kế hoạch Mác-san), nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

- Tháng 01 – 1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), nhằm tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

Về quân sự

- Năm 1949, Mỹ và các nước tư bản phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

- Năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác sa vào Cả hai khối chạy đua vũ trang, duy trì sự đối đầu về lực lượng quân sự, vũ khí hiện đại. và đặc biệt là vũ khí hạt nhân.

• Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: giai đoạn Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ.

Đầu những năm 70 của thế kỉ XX

- Xu thế hoà hoãn giữa hai bên cũng tiếp tục phát triển.

- Năm 1972, Liên Xô và Mỹ tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao, đạt được những

thoả thuận hạn chế vũ khí chiến lược.

Từ nửa sau thập kỉ 80 của thế kỉ XX

– Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại.

– Tháng 12 – 1989, Mỹ và Liên Xô đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Từ cuối những năm 80 của thế kỉ XX

– Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ.

- Trật tự thế giới hai cực l-an-ta chấm dứt.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực l-an-ta

a) Nguyên nhân sụp đổ

- Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ làm suy giảm thế mạnh của cả Mỹ và Liên Xô.

– Phong trào giải phóng dân tộc phát triển thắng lợi, các nước thuộc thế giới thứ ba vươn lên, góp phần phá vỡ khuôn khổ trật tự hai cực.

– Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước Tây Âu, Nhật Bản, các nước công nghiệp mới (NICS),...

– Sự khủng hoảng và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự sụp đổ về mặt nhà nước của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

– Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các nước phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh, phát triển kinh tế.

b) Tác động

- Đưa đến xu thế phát triển mới trong quan hệ quốc tế. Một trật tự thế giới mới dần được hình thành theo xu thế đa cực.

- So sánh tương quan lực lượng trên thế giới với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ.

– Mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột khu vực.

Bài 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

• Xu thế đa cực

Thể hiện rõ ở đầu thế kỉ XXI với sự xác lập trật tự thế giới mới, nhiều cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.

• Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm

Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm, xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia.

• Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế

Các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hoà hoãn, đối thoại đa dạng hoá, đa phương hoá, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược ổn định và lâu dài.

• Xu thế toàn cầu hóa

Diễn ra xu thế toàn cầu hoá một cách mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, biểu hiện là sự phát triển nhanh chóng của nền thương mại thế giới, với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia và tính quốc tế hoá của nền tài chính thế giới.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Khái niệm đa cực

– Là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế, dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm,

– Không một chủ thể nào áp đảo cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

b) Xu thế đa cực

Sau Chiến tranh lạnh, trật tự thế giới mới đang hình thành theo xu hướng đa cực, đa trung tâm với sự cạnh tranh giữa Mỹ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Ấn Độ,

- Nhóm nước đang phát triển có xu hướng tự chủ chiến lược về tài chính, công nghệ và an ninh – quốc phòng, tăng cường tầm ảnh hưởng của mình, ủng hộ thế giới đa cực.

Nhiều trung tâm, nhiều tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế mới đã hình thành thông qua quá trình hợp tác, liên kết, cạnh tranh, như: Nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi (BRICS), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...

Chương 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Bài 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a/ Quá trình hình thành ASEAN

Bối cảnh lịch sử

- Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á nhận thấy sự cần thiết phải hợp tác để cùng phát triển.

- Muốn hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

Quá trình hình thành

- Tháng 01 – 1959, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế Đông Nam Á (SEAFET) gồm Malaysia và Philippines ra đời.

- Tháng 7 – 1961, Malaysia, Philippines và Thái Lan liên kết thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA).

- Năm 1963, Indonesia, Malaysia và Philippines hợp tác thành lập khối MAPHILINDO.

Tuy nhiên, các tổ chức và khối nhanh chóng tan rã do không dung hòa được lợi ích của các nước thành viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 1967, tại Bangkok (Thái Lan) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trên cơ sở Tuyên bố ASEAN (Tuyên bố Băng Cốc) giữa ngoại trưởng 5 nước: , Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan.

b/ Mục đích thành lập ASEAN

- Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội hướng đến thúc đẩy các nước thành viên phát triển.

- Nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, tự do, thịnh vượng và thống nhất tất cả các nước thành viên.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a/ Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

- Ngày 8-8-1967, có 5 nước tham gia sáng lập.

- Ngày 07-01-1984, Bru-nây gia nhập.

- Ngày 28-7-1995, Việt Nam gia nhập.

- Ngày 23-7-1997, Myanmar và Lào gia nhập.

- Ngày 30-4-1999, Campuchia gia nhập.

b/ Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ 1967 đến nay.

- Giai đoạn 1967 – 1976: ASEAN tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, hoàn thiện nguyên tắc hoạt động, chú trọng hợp tác giữa các thành viên trong tổ chức.

- Giai đoạn 1976 – 1999: đẩy mạnh hợp tác giữa các nước thành viên và các đối tác bên ngoài, mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10.

- Giai đoạn 1999 – 2015: chú trọng củng cố sự đoàn kết trong tổ chức.

- Giai đoạn 2015 – nay: Cộng đồng ASEAN được thành lập, tập trung thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng, thúc đẩy hợp tác nội khối trên cơ sở 3 trụ cột APSC, AEC, ASCC.

Bài 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a. Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Ngay khi ra Tuyên bố ASEAN năm 1967, ASEAN đã mong muốn “xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hòa bình ở Đông Nam Á”.

- Tháng 12 – 1997, văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2 020* xác định mục tiêu đưa ASEAN trở thành một nhóm hài hòa các dân tộc Đông Nam Á gắn bó, đùm bọc lẫn nhau.

- Tháng 10 – 2003, ASEAN ký Tuyên bố về sự Hòa hợp ASEAN II (Tuyên bố Bali II) đặt nền móng cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN.

- Tháng 01 – 2007, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối, thống nhất mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

b. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn.

- Cộng đồng ASEAN cũng hướng tới mục tiêu làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, giữ vai trò trung tâm ở khu vực.

c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

- Tháng 02 – 2009, ASEAN thông qua lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn 2009 - 2015 kèm theo kế hoạch tổng thể xây dựng 3 trụ cột.

- Ngày 09 - 04 – 2010, ASEAN thống nhất chủ đề: hướng tới Cộng đồng ASEAN từ tầm nhìn đến hành động.

- Ngày 22 – 11 – 2015, ASEAN ra Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ về việc thành lập Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: APSC, AEC và ASCC.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)

Mục tiêu: nỗ lực tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng cao hợp tác chính trị – an ninh ASEAN.

Nội dung chính

– Hoạt động giữa các thành viên dựa trên các giá trị, chuẩn mực chung.

- Gắn kết, hoà bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện.

– Xây dựng một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Mục tiêu

- Hướng đến tạo dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao – Có sự di chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn, giảm nghèo, thu hẹp khoảng

cách phát triển.

Nội dung chính

– Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.

- Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều.

– Đưa Cộng đồng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

c) Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC)

Mục tiêu

– Hướng đến xây dựng một cộng đồng lấy con người làm trung tâm.

– Chú trọng gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của khu vực, thúc đẩy trao đổi văn hoá, đề cao nguyên tắc thống nhất trong đa dạng.

Nội dung chính

– Chú trọng phát triển con người.

– Xây dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau, gắn kết xã hội của khu vực.

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a) Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

– Ngày 22 – 11 – 2015, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 ở Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a) ASEAN thông qua Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

– Tháng 11 – 2020, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 ở Hà Nội (Việt Nam), ASEAN triển khai soạn thảo Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 theo lộ trình đã đề ra.

b) Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN

• Những thách thức của Cộng đồng ASEAN

- Vấn đề an ninh được xem là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt.

– Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ.

- Sự khác biệt trong hệ thống chính trị giữa các nước ASEAN.

– Những vấn đề an ninh phi truyền thống như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh...

Những triển vọng của Cộng đồng ASEAN

- Tiếp tục phát huy đặc trưng "thống nhất trong đa dạng" tạo dựng sự đoàn kết, tự cường, thích ứng trước những biến động phức tạp của thế giới.

- Quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách và các cơ chế hợp tác của Cộng đồng tiếp tục được đẩy mạnh, thúc đẩy sự hợp tác và phát triển của các thành viên trong Cộng đồng, đưa khu vực Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực phát triển năng động bậc nhất của thế giới.

– Cộng đồng ASEAN thông qua tổ chức ASEAN ngày càng mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài.

Chương 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay)

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Bối cảnh lịch sử

– Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

- Ngày 15 – 8 – 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang.

- Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam. Quán chúng cách mạng đã sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa.

– Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ “Tết Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát ảnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

– Từ ngày 16 đến ngày 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Ngày 14, 15 – 8 – 1945: một số địa phương phát động khởi nghĩa giành thắng lợi như Các xã, huyện thuộc đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An,...

– Ngày 16 – 8 – 1945: một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát Từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên,

– Ngày 18 – 8 – 1945: nhân dân 4 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

– Ngày 19 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Hà Nội. – Ngày 23 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Huế – Ngày 25 – 8 – 1945: khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi ở Sài Gòn.

– Ngày 28 – 8 – 1945: Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng trong cả nước khởi nghĩa giành chính quyền.

– Ngày 30 – 8 – 1945: tại kinh đô Huế, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị; chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

– Ngày 02 – 9 – 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn thành công đã tác động đến các địa phương khác đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cả nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân đã được tải dượt, chuẩn bị và trưởng thành qua các phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939 và 1939 – 1945.

- Nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, truyền thống bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh nhân dân Việt Nam đã “đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

- Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, trực tiếp là quan phiệt Nhật, buộc Chính phủ Nhật phải đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tạo thời cơ chín muồi để nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền.

b) Ý nghĩa lịch sử

– Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc; đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế hơn 1000 năm ở Việt Nam lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra kỉ nguyên mà trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nướ kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

- Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, tạo ra những điều kiể tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ ha có và các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

c) Bài học kinh nghiệm

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

- Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

- Bài học về nắm bắt thời cơ.

Bài 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

(1945 – 1954)

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động mạnh đến tình hình Việt Nam.

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời thực sự đã trở thành nước tự do và độc lập. Chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời bị các thế lực thực dân, đế quốc cấu kết với nhau ra sức chống phá, trong khi đó, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược hàng loạt lại chế độ thuộc địa.

2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ (1945 - 1946)

- Ngày 02 – 9 – 1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tham gia mit tinh chào mừng ngày Độc lập, quân Pháp bất ngờ xả súng vào dân chúng.

- Đêm 22, rạng ngày 23 – 9 – 1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân Pháp.

- Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tán thành, kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

b) Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

- Sau khi thực dân Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa – Pháp. (28 – 02 – 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (06 – 3 – 1946).

- Mặc dù Chính phủ Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí hoà bình, nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích, thể hiện dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta.

- Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi tiêu biểu

• Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

- Diễn ra ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 như Nam Định, Vinh, Nghệ An, Huế, Đà Nẵng... đặc biệt là ở Hà Nội, trong 60 ngày đêm (từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 02-1947)

- Lực lượng tự vệ thực hiện “trong đánh ngoài vây”, bước đầu làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, tạo điều kiện cho các cơ quan của Đảng, Chính phủ và lực lượng chủ lực rút lên chiến khu xây dựng căn cứ kháng chiến, thực hiện kháng chiến lâu dài.

• Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947

- Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam.

– Từ ngày 07 — 10 đến ngày 19 – 12 – 1947, quân và dân Việt Nam chủ động phản công bẻ gãy cuộc tiến công của quân Pháp, đẩy lùi quân Pháp ở một số vị trí như: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng, Khe Lau,... làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc.

• Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

– Diễn ra từ ngày 16 – 9 đến ngày 22 – 10 – 1950, quân đội nhân dân Việt Nam lần đầu tiên chủ động mở chiến dịch Biên giới thu - đông nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt – Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

- Sau hơn một tháng chiến đấu, quân đội Việt Nam đã giải phóng một vùng rộng lớn dọc biên giới Việt – Trung, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm phá sản kế hoạch Rơ-ve- của thực dân Pháp. Quân đội Việt Nam giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường.

• Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

Về chính trị

– Tháng 02 – 1951, tại chiến khu Việt Bắc, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

- Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt (3 - 1951) nhằm củng cố sức mạnh đoàn kết thống nhất toàn dân tộc.

- Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập (11 – 3 – 1951) nhằm tăng cường khối đoàn kết ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.

Về **kinh tế**, được xây dựng và đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống của nhân dân.

Về **văn hoá, giáo dục, y tế**, được chú trọng phát triển; các phong trào thi đua yêu nước được phát động. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc (1952) được tổ chức tại chiến khu Việt Bắc.....

Về **quân sự**, quân đội Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch trên chiến trường chính Bắc Bộ như: các chiến dịch ở Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ (1950 – 1951), chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

• **Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)**

Tháng 7 – 1953, được sự viện trợ của Mỹ, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng trong 18 tháng sẽ giành một thắng lợi quân sự quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

Tháng 9 – 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đề ra phương hướng chiến lược cho Đông - Xuân 1953 – 1954:

– Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai.

- Buộc Pháp phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà Pháp không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của Pháp.

Diễn biến chính

- Quân đội Việt Nam mở cuộc tiến công quân Pháp ở Lai Châu (ngày 10 – 12 – 1953) - Liên quân Lào – Việt tiến công quân Pháp ở Trung Lào (đầu tháng 12 - 1953), Thượng Lào (cuối tháng 01 – 1954).

– Quân đội Việt Nam tiến công quân Pháp ở Bắc Tây Nguyên (02 – 1954), làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va.

Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 3 đợt tiến công (từ ngày 13 – 3 đến ngày 07 – 5 – 1954), chiều 07 – 5 – 1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng.

Ý nghĩa

- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va.

– Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

– Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

- Tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại

hoà bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954).

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Nguyên nhân thắng lợi

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1951 là Đảng Lao động Việt Nam), đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối lãnh đạo

đúng đắn, sáng tạo, – Truyền thống yêu nước; toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu cần cù trong lao động sản xuất.

- Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

- Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào cùng đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung.

- Sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và các lực lượng dân tộc dân chủ trên thế giới.

b) Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

– Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

– Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Bài 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh. Phong trào giải phóng dân tộc ngày càng phát triển mạnh ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ dâng cao ở các nước tư bản.

– Chiến tranh lạnh đã lôi kéo các nước vào cuộc chạy đua vũ trang và đối đầu giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp.

– Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, miền Bắc hoà bình và đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Nam, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm (chính quyền Sài Gòn), thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Giai đoạn 1954 – 1960

• Miền Bắc

– 1954 – 1957: hoàn thành cải cách ruộng đất, thực hiện hàn gắn vết thương chiến tranh.

– 1958 – 1960: cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội, là căn cứ địa cách mạng của cả nước.

• Miền Nam

- Phong trào đấu tranh chính trị, đòi các quyền tự do, dân chủ, gìn giữ và phát triển lực lượng.

- Nghị quyết 15 (1959) với việc sử dụng bạo lực cách mạng, đã đưa đến thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1960).

Từ đó, thắng lợi của phong trào Đồng khởi đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960) được thành lập, thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

b) Giai đoạn 1961-1965

• Miền Bắc

– Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam. được tổ chức tại Hà Nội, xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và cách mạng từng miền; vị trí, vai trò của cách mạng từng miền; mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam - Bắc.

– Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, kết quả là kinh tế, xã hội, con người đều đổi mới và phát triển.

- Là hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

• Miền Nam

- Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) - một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

+ Trên mặt trận chính trị, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng đáng cao, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, “Đội quân tóc dài”, học sinh – sinh viên đẩy chính quyền Sài Gòn làm vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

+ Trên mặt trận chống bình định, ở nông thôn, phong trào chống phá bình định ngày càng phát triển đã từng bước làm phá sản quốc sách “áp chiến lược” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

+ Trên mặt trận quân sự, giành thắng lợi ở trận Ấp Bắc (Mỹ Tho, tháng 01 – 1963) bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Từ đây, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dày lên khắp miền Nam. Trong những năm 1964 – 1965, giành những thắng lợi ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước), gây cho quân đội Sài Gòn những thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

c) Giai đoạn 1965 – 1968

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt, Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ (1965 – 1963) ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- **Miền Nam**

- Quân dân miền Nam tiếp tục chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", giành những thắng lợi trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.

+ Trên mặt trận chính trị, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đấu tranh phá vỡ nhiều "áp chiến lược" trong vùng nông thôn. Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ phát triển mạnh mẽ. Vùng giải phóng được mở rộng, vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

+ Trên mặt trận quân sự, quân dân miền Nam anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam, tháng 5 - 1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ Tiếp đó, quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966, 1966 – 1967) của Mỹ.

- Chiến thắng Tết Mậu Thân (1968) buộc Mỹ phải "phi Mỹ hoá" cuộc chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán ở Patri.

• **Miền Bắc**

Vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, vừa sản xuất và chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

d) Giai đoạn 1969 – 1973

– Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" Mỹ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam (1969 – 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. - Quân dân hai miền Nam – Bắc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", giành nhiều thắng lợi lớn trên các mặt trận.

+ Trên mặt trận chính trị, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập (06 – 6 – 1969); Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4 – 1970), biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.

+ Trên mặt trận quân sự, phối hợp với quân và dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sang Cam-pu-chia (1970); phối hợp với quân dân Lào đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719", buộc Mỹ và quân đội Sài Gòn rút khỏi Đường 9 – Nam Lào (1971); giữ vững hành lang chi viện từ hậu phương miền Bắc cho các chiến trường của ba nước Đông Dương. Xuân – hè 1972, tiến công Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, buộc Mỹ tuyên bố "Mỹ hoá" trở lại.

Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mỹ, chi viện cho tiền tuyến miền Nam, đánh bại cuộc tập kích đường không bằng B52, buộc Mỹ ngừng hẳn hoạt động chống phá và kí Hiệp định Pa-ri.

+ Trên mặt trận ngoại giao, cuộc đàm phán bốn bên ở Pa-ri từ tháng 01 – 1969 đến đầu năm 1973 đã kết thúc thắng lợi. Ngày 27 – 01 – 1973, Hiệp định Pa-ri về chấm

dữ chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết, mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

e) Giai đoạn 1973 – 1975

Với Hiệp định Pa-ri, Mỹ buộc phải rút quân về nước, so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

• Miền Bắc

- Nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh chi viện cho
- Trong 2 năm (1973 – 1974), gần 20 vạn bộ đội cùng hàng vạn tấn vật chất từ miền Bắc được tăng cường cho miền Nam, đáp ứng kịp thời nhu cầu của chiến trường.

• Miền Nam

- Đấu tranh chống bình định lần chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng.

– *Từ tháng 3 – 1975, mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với 3 chiến dịch lớn chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh.*

Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 04 – 3 đến 24 – 3 – 1975)

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng. Nhưng do địch nhận định sai hướng tiến công của quân Giải phóng nên bố trí lực lượng ở đây mỏng.

+ Ngày 10 – 3 – 1975, quân Giải phóng tiến công Buôn Ma Thuột mở màn chiến dịch

+ Ngày 12 – 3 – 1975, địch phản công chiếm lại, nhưng bị thất bại.

+ Ngày 14 – 3 – 1975, địch được lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Trên đường

rút chạy, địch bị quân Giải phóng truy kích tiêu diệt.

+ Ngày 24 – 3 – 1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

Chiến thắng Tây Nguyên đã mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền không thể cứu vãn được. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21 – 3 đến 29 – 3 – 1975)

+ Ngày 21 – 3 – 1975, quân Giải phóng tiến công Huế và chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26 – 3 – 1975, quân ta giải phóng thành phố Huế, toàn tỉnh Thừa Thiên.

+ Sáng 29 – 3 – 1975, quân Giải phóng tiến công Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều cùng ngày Đà Nẵng hoàn toàn được giải phóng.

+ Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, quân dân ta ở các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ quân và dân đã nổi dậy đánh địch giải phóng quê hương. Chiến thắng Huế – Đà Nẵng gây nên tâm lí tuyệt vọng trong ngụy quyền, đưa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo. **Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26 – 4 đến ngày 30 – 4 – 1975)**

Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế – Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa.

Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ Chính trị quyết định mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh.

+ Vào 17 giờ ngày 26 – 4 – 1975, quân Giải phóng nổ súng mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài, tiến vào trung tâm thành phố.

+ 10 giờ 45 ngày 30 – 4 – 1975, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng,

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

– Ngày 02 – 5 – 1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh,

với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo.

– Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết một lòng của nhân dân trên cả hai miền Nam – Bắc.

- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến ở cả hai miền.

– Sự phối hợp của nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia.

- Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa,

nhân dân tiến bộ trên thế giới.

b) Ý nghĩa lịch sử

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

- Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

- Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, thống nhất đất nước.

– Mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Bài 9. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

- Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, tuy nhiên, hậu quả của 30 năm chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề.
- Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Cam-pu-chia có dấu hiệu bất ổn.
- Trong xu thế hoà hoãn Đông - Tây của thế giới, các cường quốc (Mỹ, Liên Ki Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi, ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.

2. Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 - 1975

a) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam

- Từ sau ngày 30 – 4 – 1975 đến tháng 4 – 1977, quân Pôn Pốt liên tục khiêu v xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, gây xung đột ở biên giới.
- Đêm 30 – 4 – 1977, quân Pôn Pốt tấn công và gây ra các vụ thảm sát ở Ba Chúc - An Giang, Tân Lập – Tây Ninh,... Quân và dân các tỉnh biên giới Tây Nam đánh đuổi quân xâm lấn, bảo vệ nhân dân, bảo vệ biên giới.
- Cuối tháng 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn tiến công xâm lược toàn tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam. Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công tiêu diệt và quét sạch quân xâm lược khỏi nước ta.
- Đầu năm 1979, theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chi tiêu diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh (ngày 07 – 01 – 1979), quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với quân dân Cam-pu-chia chiến đấu, lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Pnôm Pênh (07-01-1979), thiết lập lại quan hệ láng giềng.

b) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc

- Sáng 17 – 02 – 1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân), tiến công sang toàn bộ sáu tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam.
- Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.
- Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối của dư luận quốc tế, ngày 05 – 3 – 1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, nhưng tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc vẫn tiếp tục căng thẳng kéo dài đến năm 1989.

c) Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

Hoạt động quản lí về hành chính

- Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Trong các năm 1979, 1981, 1988, Việt Nam liên tục công bố Sách trắng khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam.
- Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Đồng Nai); sau đó, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Phú Khánh. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện đảo Trường

Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà (tháng 7 – 1989), huyện đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng (tháng 01-1997).

Hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia

- Việt Nam triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền ở huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa: triển lãm các hiện vật, xây dựng bia chủ quyền, thiết lập ngọn hải đăng, xây chùa, trường học, buru điện, hỗ trợ cuộc sống người dân,..
- Việt Nam đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện.
- Việt Nam tăng cường xây dựng lực lượng quản lí, bảo vệ biển, đảo.
- Thực hiện đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển đảo.
- Ngày 14 – 3 – 1988, quân Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao của Việt Nam, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh. Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc

- Chiến tranh tự vệ chính đáng của Việt Nam, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc của Việt Nam.
- Góp phần bảo vệ hoà bình ổn định trong khu vực Đông Nam Á.

Ý nghĩa lịch sử của cuộc chiến đấu bảo vệ và giữ gìn biển đảo

- Là cuộc đấu tranh chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, tuân thủ đúng luật pháp quốc tế.
- Thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

4. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

- Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam.
- Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của khu vực, quốc tế.
- Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước.